

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **69/2023/HNGĐ-PT**

Ngày: 15/11/2023

V/v tranh chấp "Xin ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

Các Thẩm phán:

1. Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

2. Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt**, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Bảo**, Kiểm sát viên.

Ngày **15** tháng **11** năm **2023**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 750/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Ngân Thị Nh**, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: số X, Tổ Y, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Cao Văn S**, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn **Ngân Thị Nh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

* *Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 21/12/2022, biên bản hòa giải và biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị **Ngân Thị Nh** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh S quen biết nhau sau đó tiến tới hôn nhân, năm 2014 chị và anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, quan điểm sống bất đồng, chị Nh cho rằng tính tình không còn phù hợp, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, quan điểm sống bất đồng, hôn nhân không thể duy trì. Chị Nh yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 02 con chung gồm: cháu Cao Trọng N sinh ngày 31/7/2015, cháu Cao Trọng Nh sinh ngày 08/12/2018, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung để chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Cao Văn S trình bày:*

Trong quá trình chung sống, anh và chị Nh có mâu thuẫn nhưng không lớn, trong tình cảm vợ chồng có một số quan điểm hiểu lầm chưa được giải quyết, anh cho rằng có thể hàn gắn được, anh còn rất thương vợ, anh muốn tiếp tục hòa giải để xây dựng gia đình chăm lo cho con, nên anh không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Nh.

- Về con chung: Do anh không đồng ý ly hôn với chị Nh nên anh cũng không đồng ý như yêu cầu của chị Nh về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của chị Ngân Thị Nh về việc xin ly hôn anh Cao Văn S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 17 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn Ngân Thị Nh kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân Thị Nh, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ngân Thị Nh thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân Thị Nh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Ngân Thị Nh và anh Cao Văn S kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014, quyền số 01/2014, ngày 14/4/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bản án sơ thẩm nhận định cho rằng giữa chị Ngân Thị Nh và anh Cao Văn S mâu thuẫn không lớn, chưa thể hiện việc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của nhau, anh S vẫn còn thương yêu chị Nh, mong muốn được hàn gắn để vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Thị Nh, là chưa phù hợp. Bởi lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập anh Cao Văn S 02 lần hòa giải và 02 lần tham dự phiên tòa, nhưng anh S chỉ có mặt vào lần hòa giải thứ hai, còn lại vắng mặt không lý do, nên chưa thể hiện được thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Ngân Thị Nh.

[3] Nguyên đơn Ngân Thị Nh kháng cáo yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn S và yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Cao Trọng N sinh ngày 31/7/2015, cháu Cao Trọng Nh sinh ngày 08/12/2018, chị Nh không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị Ngân Thị Nh nộp bản tự khai cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh S ghen tuông, nghi ngờ mất kiểm soát, đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập chị, thường xuyên mượn nợ bên ngoài để tiêu xài cá nhân, không chăm lo cho gia đình và con cái. Từ tháng 6/2021, chị Nh đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Kèm theo bản tự khai, nguyên đơn đã cung cấp thêm hình ảnh, tin nhắn đòi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Ngân Thị Nh kiên quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Cao Văn S không đồng ý ly hôn, anh thừa nhận có mượn nợ bên ngoài nhưng mục đích là lo cho vợ con, nên không nói chị Nh biết, thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng do bất đồng quan điểm, anh không thừa nhận có đánh chị Nh mà cho rằng trong lúc vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau chỉ có va chạm; từ khi chị Ngân Thị Nh nộp đơn ly hôn anh không có gặp chị Nh để hàn gắn tình cảm vì muốn chị Nh có thời gian suy nghĩ lại.

Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngân Thị Nh và anh Cao Văn S đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng, quan tâm và chăm sóc nhau, nên nguyên đơn Ngân Thị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn S, là có căn cứ, phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên Cao Trọng N, sinh ngày 31/7/2015 và Cao Trọng Nh, sinh ngày 08/12/2018. Nguyên đơn Ngân Thị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Cao Văn S cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh Cao Văn S trình bày nếu Tòa án cho ly hôn, ai nuôi dưỡng con chung cũng được, anh

không có ý kiến, miễn sao anh được thăm nom và chăm sóc con chung.

Xét, hiện tại chị Ngân Thị Nh đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và cháu Cao Trọng N có nguyện vọng được sống chung với mẹ, nên yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị Nh là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị Ngân Thị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Tài sản chung và nợ chung: chị Ngân Thị Nh và anh Cao Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[5] Về án phí: Chị Ngân Thị Nh không phải nộp án phí hôn nhân phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngân Thị Nh.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngân Thị Nh được ly hôn với anh Cao Văn S.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Cao Trọng N, sinh ngày 31/7/2015 và Cao Trọng Nh, sinh ngày 08/12/2018 cho chị Ngân Thị Nh nuôi dưỡng. Anh Cao Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngân Thị Nh không phải nộp án phí HNPT và phải nộp 300.000 đồng án phí HNST. Chị Ngân Thị Nh đã nộp 600.000 đồng tạm ứng án phí theo hai biên lai thu số 00018316 ngày 22/12/2022 và số 0018655 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
 - UBND xã Bình Đức, huyện C;
 - Công bố bản án trên cổng TTĐT;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- HNPT-2023-Tâm

Lê Thị Hồng Tâm